CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Gia Định, TP. HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. HCM
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE (PE100)

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 17-07-2026 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Lơi phun (Nối góc 45°)		Co phun (Nối góc 90°)		Tê phun (Ba chạc 90°)	
	DN ĐK danh nghĩa	*bar*	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		*đồng/cái*		*đồng/cái*	
1	90	6.0	139,600	150,768	142,200	153,576	177,900	192,132
2	90	8.0	139,600	150,768	142,200	153,576	177,900	192,132
3	90	10.0	139,600	150,768	142,200	153,576	177,900	192,132
4	90	12.5	139,600	150,768	142,200	153,576	177,900	192,132
5	90	16.0	112,400	121,392	114,800	123,984	150,600	162,648
6	110	6.0	158,800	171,504	243,000	262,440	329,400	355,752
7	110	8.0	158,800	171,504	243,000	262,440	329,400	355,752
8	110	10.0	158,800	171,504	243,000	262,440	329,400	355,752
9	110	12.5	158,800	171,504	243,000	262,440	329,400	355,752
10	110	16.0	131,500	142,020	215,700	232,956	288,400	311,472
11	160	6.0	522,300	564,084	665,900	719,172	890,100	961,308
12	160	8.0	522,300	564,084	665,900	719,172	890,100	961,308
13	160	10.0	522,300	564,084	665,900	719,172	890,100	961,308
14	160	12.5	522,300	564,084	665,900	719,172	890,100	961,308
15	160	16.0	495,000	534,600	638,500	689,580	849,100	917,028
16	200	6.0	888,200	959,256	1,266,200	1,367,496	1,786,600	1,929,528
18	200	10.0	888,200	959,256	1,266,200	1,367,496	1,786,600	1,929,528
19	200	12.5	888,200	959,256	1,266,200	1,367,496	1,786,600	1,929,528
20	200	16.0	860,900	929,772	1,238,700	1,337,796	1,745,900	1,885,572

STT	Sản Phẩm	PN	Lơi phun (Nối góc 45°)		Co phun (Nối góc 90°)	
	DN ĐK danh nghĩa	*bar*	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái		*đồng/cái*	
21	250	6.0	1,557,800	1,682,424	2,251,300	2,431,404
22	250	8.0	1,557,800	1,682,424	2,251,300	2,431,404
23	250	10.0	1,557,800	1,682,424	2,251,300	2,431,404
24	250	12.5	1,557,800	1,682,424	2,251,300	2,431,404
25	250	16.0	1,530,500	1,652,940	2,224,000	2,401,920

STT	Sản Phẩm	PN	Tê chuyển bậc phun (Ba chạc 90° chuyển bậc phun)	
	DN ĐK danh nghĩa	*bar*	Chưa VAT	Thanh toán
			đồng/cái	
26	110-63	6.0	239,900	259,092
27	110-63	8.0	239,900	259,092
28	110-63	10.0	239,900	259,092
29	110-63	12.5	239,900	259,092
30	110-63	16.0	198,900	214,812

Ghi chú: Nối bằng phương pháp hàn đối đầu

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Gia Định, TP. HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. HCM
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE (PE80)

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 17-07-2026 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	PN	Lơi phun (Nối góc 45°)		Co phun (Nối góc 90°)		Tê phun (Ba chạc 90°)		STT	Sản Phẩm	PN	Tê chuyển bậc phun (Ba chạc 90° chuyển bậc phun)	
	DN ĐK danh nghĩa		Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán	Chưa VAT	Thanh toán		DN ĐK danh nghĩa		Chưa VAT	Thanh toán
		bar	đồng/cái		đồng/cái		đồng/cái				bar	đồng/cái	
1	90	6.0	139,600	150,768	142,200	153,576	177,900	192,132	17	110-63	6.0	239,900	259,092
2	90	8.0	139,600	150,768	142,200	153,576	177,900	192,132	18	110-63	8.0	239,900	259,092
3	90	10.0	139,600	150,768	142,200	153,576	177,900	192,132	19	110-63	10.0	239,900	259,092
4	90	12.5	112,400	121,392	114,800	123,984	150,600	162,648	20	110-63	12.5	198,900	214,812
5	110	6.0	158,800	171,504	243,000	262,440	329,400	355,752					
6	110	8.0	158,800	171,504	243,000	262,440	329,400	355,752					
7	110	10.0	158,800	171,504	243,000	262,440	329,400	355,752					
8	110	12.5	131,500	142,020	215,700	232,956	288,400	311,472					
9	160	6.0	522,300	564,084	665,900	719,172	890,100	961,308					
10	160	8.0	522,300	564,084	665,900	719,172	890,100	961,308					
11	160	10.0	522,300	564,084	665,900	719,172	890,100	961,308					
12	160	12.5	495,000	534,600	638,500	689,580	849,100	917,028					
13	200	6.0	888,200	959,256	1,266,200	1,367,496	1,786,600	1,929,528					
14	200	8.0	888,200	959,256	1,266,200	1,367,496	1,786,600	1,929,528					
15	200	10.0	888,200	959,256	1,266,200	1,367,496	1,786,600	1,929,528					
16	200	12.5	860,900	929,772	1,238,700	1,337,796	1,745,900	1,885,572					

***Ghi chú*: Nối bằng phương pháp hàn đối đầu**

CÔNG TY CP NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG PHÍA NAM
VP Đại Diện: 135 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Gia Định, TP. HCM
ĐT: (028) 6253 5666 - Fax: (028) 6258 8887
Nhà máy: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP. HCM
ĐT: (0274) 358 9544 - Fax: (0274) 358 9527

BẢNG GIÁ PHỤ KIỆN HDPE

Tiêu chuẩn ISO 4427:2019

Hiệu lực từ ngày 17-07-2026 đến khi có thông báo sửa đổi

STT	Sản Phẩm	Gioăng mặt bích HDPE	
	DN ĐK danh nghĩa	Chưa VAT	Thanh toán
		đồng/cái	
1	63	22,200	23,976
2	75	27,600	29,808
3	90	29,800	32,184
4	110	37,200	40,176
5	125	25,100	27,108
6	140	33,200	35,856
7	160	48,400	52,272
8	180	33,800	36,504
9	200	74,800	80,784
10	225	72,600	78,408
11	250	104,700	113,076
12	280	86,100	92,988
13	315	182,300	196,884
14	355	243,000	262,440

STT	Sản Phẩm	Gioăng mặt bích HDPE	
	DN ĐK danh nghĩa	Chưa VAT	Thanh toán
		đồng/cái	
15	400	290,300	313,524
16	450	459,000	495,720
17	500	388,200	419,256
18	560	560,300	605,124
19	630	415,200	448,416
20	710	624,400	674,352
21	800	793,200	856,656
22	900	924,800	998,784
23	1000	1,080,000	1,166,400
24	1200	1,485,000	1,603,800
25	1400	3,712,500	4,009,500
26	1600	4,471,900	4,829,652
27	1800	5,203,200	5,619,456
28	2000	6,046,900	6,530,652

STT	Sản Phẩm	Gioăng ống gân sóng PE (Unicor)	
	DN ĐK danh nghĩa	Chưa VAT	Thanh toán
		đồng/cái	
1	200	99,600	107,568
2	250	129,900	140,292
3	300	205,900	222,372
4	400	388,200	419,256
5	500	742,500	801,900
6	600	1,080,000	1,166,400
7	800	2,632,500	2,843,100
8	1000	4,657,500	5,030,100